

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Bản án số: **02/2020/HS-PT**

Ngày: 15/01/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tỷ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng,
Bà Dương Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Ngọc Lam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15-01-2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2019/TLPT-HS ngày 02/12/2019 đối với bị cáo Phạm Xuân S, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Xuân S**; tên gọi khác: Phạm Văn S, Văn Nhật D, Lê Văn Q; sinh năm: 1976 tại tỉnh Hải Dương, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P L, xã CC, huyện TH, tỉnh Hải Dương, chỗ ở hiện nay: không ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N, con ông Phạm Xuân V, sinh năm 1948 và Phạm Thị L, sinh năm 1950. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1976. Gia đình bị cáo có 05 (năm) anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền sự: không.

Tiền án: 06 tiền án, cụ thể:

- Ngày 28/01/1999 bị Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Hải Dương tuyên phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân.

- Ngày 21/9/2000 bị Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 15 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Ngày 10/12/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh BR– Vũng Tàu tuyên phạt 10 năm tù về tội Cướp tài sản.

- Ngày 07/9/2010, bị Tòa án nhân dân huyện C M, Đồng Nai tuyên phạt 08 tháng tù về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 27/9/2012, bị Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 30/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tình tiết khác:

Ngày 08/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 22/3/2019, bị cáo đã có hành vi trốn khỏi nơi giam giữ. Hành vi của bị cáo đang được giải quyết bằng một vụ án riêng.

Bị cáo hiện đang là phạm nhân được trích xuất, áp giải đến trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn 4, xã Diên Bình, huyện Đ T, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Công L – sinh năm 1990 (Đồng thời là người làm chứng)

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994. (Đồng thời là người làm chứng).

Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Phương G, sinh năm 1982.

Trú tại: Tổ dân phố 7 , thị trấn P k, huyện NH, tỉnh KonTum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1/ Anh Lê Quang H, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

2/ Chị Nguyễn Thị H1 – Sinh năm 1963. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

3/ Chị Nguyễn Thị Th – Sinh năm 1996. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

4/ Chị Phạm Thị Th1 – Sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

5/ Anh Trần Minh C – Sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ H, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.

6/ Ông Phạm Xuân H2 – Sinh năm 1968. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Trú tại: Thôn 5 xã ĐM, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.
- 7/ Bà Phạm Thị H3 – Sinh năm 1973. Vắng mặt.
- Trú tại: Thôn 5 xã Đăk Mar, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum.
- 8/ Phan Trường V– sinh năm 1991. Có mặt.
- Trú tại: Thôn 8 xã Diên Bình, huyện Đ T, tỉnh KonTum
- 9/ Chị Lê Thị Kim L1 – sinh năm 1997. Vắng mặt.
- Trú tại: Khối 4, thị trấn Đ T, huyện Đ T, tỉnh KonTum
- 10/ Chị Cao Thị Bích Ph – sinh năm 1985. Vắng mặt.
- Trú tại: Đường số 1, phường T N P B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh
- 11/ Anh Trần Hoàng G2 – sinh năm 1980. Vắng mặt.
- Trú tại: Đường số 1, phường T N P B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
- 12/ Ông Cao Xuân Th3 – sinh năm 1962. Vắng mặt.
- Trú tại: Khu phố P T, thị trấn Ph B, huyện X M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.
- 13/ Chị Cao Thị C1 – sinh năm 1976. Vắng mặt.
- Trú tại: Khu phố Ph T, thị trấn Ph B, huyện X M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.
- 14/ Anh Cao Trọng H4– sinh năm 1987. Vắng mặt.
- Trú tại: Khu phố Ph T, thị trấn Ph B, huyện X M, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng trưa ngày 25/4/2017, tại nhà ông Phạm Xuân H2 ở thôn 5, xã Đ M, huyện Đ H, tỉnh Kon Tum trong lúc ngồi chơi Phạm Xuân S (S là cháu ruột của ông H2) có rủ Nguyễn Văn N đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Sau đó, S đã điện thoại cho Phạm Công L (là em họ của S) đem xe đến nhà ông H2 để cho S mượn. Khi L lái xe mô tô BKS: 82V1-2794 đến thì N dùng xe mô tô trên chở S đi đến địa bàn thôn 8, xã Diên Bình, huyện Đ T thì phát hiện có một đám cưới để nhiều xe mô tô của khách đến dự đám cưới đang dựng không có người trong coi. S bảo N dùng xe lại và dặn N đứng ngoài đường canh giới, còn S đi vào khu vực để nhiều xe mô tô lấy trộm được một xe mô tô Exciter 150, màu S trắng đỏ, BKS: 82E1 -11708 rồi chạy thẳng về huyện Đ H rồi S điện thoại cho L hỏi N đã về chưa và nói ra ngoài ngã ba đường đất xã Đ M, huyện Đ H đón S. Lúc này, S, N, L chạy đến lô cà phê ở thôn 4, xã Đ M nơi S cất giấu xe mô tô trộm cắp được và S đưa calê cho L nói L tháo biển số xe và nhét biển số xe xuống đất. Còn S, N cùng nhau tháo ổ khóa, S ghi lại số khung xe xong cả ba quay lại nhà ông H2.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, L chở S đón xe đi thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 01/5/2017, S điện thoại cho L nói đón S ở bến xe huyện Ngọc Hồi. Khi lên đón S, L và N mang theo ổ khóa xe mô tô trộm cắp nói trên để cắt chìa khóa.

Đến gặp S, S đã cung cấp cho N và L một biển kiểm soát xe, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, một giấy chứng minh nhân dân (gắn hình của N, N đã đưa cho S trước khi đi lấy trộm xe) mang tên Lê Quang Hùng để N và L cầm cố xe. Tại tiệm cầm cố Tùng Giang (do chị Nguyễn Thị Phương Giang trú tại Tổ dân phố 7, thị trấn PleiKần, huyện Ngọc Hồi làm chủ tiệm) thì chị Giang kiểm tra giấy tờ và đồng ý cầm với giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. N đưa cho S 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, S cho N và L mỗi người 4.000.000 (bốn triệu) đồng. S nhận được 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, N nhận được 8.000.000 (tám triệu) đồng, L nhận được 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Ngày hôm sau, S đã bỏ trốn.

Kết L định giá tài sản xác định xe mô tô Exciter có giá trị 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Vật chứng của vụ án: Xe mô tô Exciter màu trắng đỏ là của anh Nguyễn Văn Thảo; một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; một giấy chứng minh nhân dân; một biển kiểm soát xe; chiếc xe mô tô các đối tượng sử dụng làm phương tiện đi lại trong quá trình trộm cắp tiêu thụ có BKS 82V1-2794 đây là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị Thảo đã được giải quyết xong theo bản án số 29 ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ T .

Về dân sự: Đã được giải quyết theo các bản án trước đây.

Bản án số 11/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô đã xét xử sơ thẩm và quyết định như sau:

Căn cứ Điều 38, Điều 55, Điều 56; điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Xuân S**; Tên gọi khác: Phạm Văn S, Văn Nhật D, Lê Văn Q; phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân S** 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án này với hình phạt chưa chấp hành: 01 năm 08 tháng 21 ngày tù của bản án số 68/2018/HSST ngày 08/8/2018 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: **05 năm 02 tháng 21 ngày tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt theo Quyết định truy nã: 28/3/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2019 bị cáo Phạm Xuân S có đơn kháng cáo kêu oan. Nội dung: bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Xuân S giữ nguyên kháng cáo kêu oan, trình bày bị cáo không phạm tội.

Người làm chứng đồng thời là người có nghĩa vụ liên quan – anh Phạm Công L trình bày: bị cáo Phạm Xuân S là người đã cùng Nguyễn Văn N đi trộm cắp chiếc xe máy Exiter 150 màu S trắng đỏ, BKS: 82E1-11708 vào ngày 25/4/2017.

Sau đó vào ngày 01/5/2017 L, N và bị cáo S cùng nhau đem chiếc xe này đi cầm cố lấy tiền tại tiệm cầm đồ Tùng Giang.

Người làm chứng Phan Trường V trình bày: lúc ngồi trên taxi trên đường trốn khỏi nơi giam giữ, khi ngồi nói chuyện với nhau, bị cáo Phạm Xuân S có nói như sau: “*không cần nhận tội, tao có 02 người làm chứng mà tao còn không nhận tội thì sao mà phải nhận tội làm gì*”. Anh Phan Trường V không biết cụ thể về nội dung việc bị cáo Phạm Xuân S trộm cắp tài sản như thế nào, nH2 anh hiểu bị cáo Phạm Xuân S đang nói về việc bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản mà bị cáo đang bị truy tố, xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của những người làm chứng thể hiện: bị cáo Phạm Xuân S là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 25/4/2017 tại thôn 8, xã Diên Bình, huyện Đ T, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo. Đề nghị HĐXX tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 29/10/2019 bị cáo Phạm Xuân S có đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo:

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn N và Phạm Công L đều khẳng định như sau: vào ngày 25/4/2017 Phạm Xuân S là người cùng N đi trộm cắp chiếc xe máy Exiter 150 màu S trắng đỏ, BKS: 82E1-11708 tại thôn 8, xã Diên Bình, huyện Đ T. Sau đó, ngày 01/5/2017 L, N, S cùng nhau đem chiếc xe này đi cầm cố lấy tiền tại tiệm cầm đồ Tùng Giang. Bị cáo Phạm Xuân S liên tục cho rằng mình không thực hiện hành vi trộm cắp trên, bị cáo không quen biết N, S chỉ đến nhà ông Phạm Xuân H2 vào thời gian đầu năm 2017, vào thời gian từ ngày 25/4/2017 đến 01/5/2017 bị cáo đang ở tại nhà chị Cao Thị Bích Phượng tại ngã tư MK, thành phố Hồ Chí Minh và ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tuy nhiên, lời khai của ông Phạm Xuân H2, bà Nguyễn Thị Hương (vợ ông H2), chị Nguyễn Thị Then (vợ của L, sống tại nhà ông H2) đều khẳng định: Phạm Xuân S đến nhà ông H2 vào khoảng đầu tháng 5/2017 và ở lại chơi 3-4 ngày. Kết quả nhận dạng: Nguyễn

Văn N, Phạm Công L đều khẳng định bị cáo Phạm Xuân S là người cùng đi trộm cắp tài sản vào ngày 25/4/2017 và tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có vào ngày 01/5/2017. Ông Phạm Xuân H2 cũng khẳng định bị cáo là người cháu tên S đến nhà ông chơi vào giữa năm 2017. Những người làm chứng chị Cao Thị Bích Phượng, anh Trần Hoàng Gia, ông Cao Xuân Thủy, chị Cao Thị Cảnh, anh Cao Trọng Hoàng đều khai: thời gian 25/4/2017 đến 01/5/2017 các anh chị không gặp, không ăn uống, nhậu nhẹt hay đi chơi cùng Phạm Xuân S như bị cáo trình bày. Mặt khác, trong thời gian trốn khỏi nơi giam giữ, Phạm Xuân S nói với Phan Trường Vinh (bạn tù cùng trốn trại), có Lê Thị Kim Loan đi cùng nghe với nội dung: *“không cần nhận tội, tao có 02 người làm chứng mà tao còn không nhận tội thì sao mà mày phải nhận tội làm gì”*. Phan Trường Vinh không tham gia vụ án trộm cắp cùng với S, N, L, không được nghe ai kể lại diễn biến vụ án, nH2 lời khai của Vinh lại phù hợp với diễn biến vụ án nên có cơ sở để xem xét.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị cáo, người làm chứng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử có căn cứ để khẳng định: Vào khoảng trưa ngày 25/4/2017, Phạm Xuân S và Nguyễn Văn N đi trộm cắp xe mô tô BKS: 82E1 -11708 của anh Nguyễn Văn Thảo, sau đó mang chiếc xe này cất giấu, tháo biển số và nhét biển số xe xuống đất ở vườn cà phê thuộc thôn 4, xã Đ M huyện Đ H. Đến ngày 01/5/2017, S, L và N dùng một biển kiểm soát xe, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Quang Hùng đi cầm cố tại tiệm Tùng Giang (do chị Nguyễn Thị Phương Giang trú tại tổ dân phố 7, thị trấn PleiKần, huyện Ngọc Hồi làm chủ) với giá 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng. Kết L định giá tài sản số 13/KL-ĐGTS ngày 24/5/2017 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện Đắk Tô xác định xe mô tô Exciter có giá trị 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng.

Ngày 30/6/2015 bị cáo Phạm Xuân S đã bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 02 năm tù về tội trộm cắp và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm. Ngày 21/01/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 25/4/2017 lại tiếp tục phạm tội. Do đó lần phạm tội này (ngày 25/4/2017) của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cấp sơ thẩm tuyên bố và xét xử bị cáo Phạm Xuân S phạm tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết nào. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm 06 tháng tù là phù hợp với mức độ hành vi, thái độ thành khẩn và nhân thân của bị cáo.

Về tổng hợp hình phạt: cấp sơ thẩm đã tổng hợp đúng theo quy định của pháp luật.

Qua các phân tích nêu trên, kháng cáo kêu oan của bị cáo Phạm Xuân S là không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan ngày 29/10/2019 của bị cáo Phạm Xuân S.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Tô.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Xuân S**; Tên gọi khác: Phạm Văn S, Văn Nhật Dính, Lê Văn Quang; phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân S** 03 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án này với hình phạt chưa chấp hành: 01 năm 08 tháng 21 ngày tù của bản án số 68/2018/HSST ngày 08/8/2018 của TAND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: **05 năm 02 tháng 21 ngày tù**.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt theo Quyết định truy nã: 28/3/2019.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phạm Xuân S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15-01-2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND, TAND, Công an huyện Đắk Tô;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum ;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tỷ